

Bản án số: 59/2024/HS-ST
Ngày 24 - 01 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Thẩm phán: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lèo Thị Chan; Ông Trần Mạnh Đức; Bà Bùi Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Hồng Nết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Quàng Thị Diệu L, sinh năm 1993 tại huyện S, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKTT: Bản Phồng, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Quàng Văn P và bà Tòng Thị H; bị cáo có chồng là Quàng Văn Y; có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày 05/02/2023, đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Quàng Thị Diệu L: Ông Lò Văn Đ- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh S. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Công ty T9; trụ sở chính: Tầng G, 8 và 10 Toà nhà Phụ nữ, số B N, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Annica Maria W – Tổng giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Đ1- Chuyên viên an ninh công ty (Giấy uỷ quyền số 197/2022/GUQ-SE ngày

28/11/2022). Có mặt.

2. Công ty T9; địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8,9,10 Tòa nhà G, số B đường P, phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Đ2 - Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH T9- Chi nhánh H11; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Văn V - Trưởng nhóm Điều tra nội bộ của T9; Địa chỉ: Tầng C, tòa nhà V, số E K, phường N, quận B, Thành phố Hà Nội (giấy uỷ quyền số 230927-02-ISE ngày 27/9/2023). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lò Thị T; địa chỉ: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Vì Thị L1; địa chỉ: Bản L, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Vì Thị X; địa chỉ: Bản C, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Vàng A T1; địa chỉ: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

5. Ông Lò Văn H1; địa chỉ: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Bà Tòng Thị M; địa chỉ: Bản B, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Lò Văn T2; địa chỉ: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Lò Văn T3; địa chỉ: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Ông Lò Văn C; địa chỉ: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Chị Lò Thị H2; địa chỉ: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Ông Quàng Văn M1; địa chỉ: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Ông Lò Văn S; địa chỉ: Bản M, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Ông Lò Văn H3; địa chỉ: Bản N; xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Bà Lò Thị T4; địa chỉ: Bản N; xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Ông Quàng Văn T5; địa chỉ: Bản K, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

16. Bà Lò Thị H4; địa chỉ: Bản K, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

17. Bà Quàng Thị L2; địa chỉ: Bản M, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

18. Bà Lò Thị Đ3; địa chỉ: Bản M, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

19. Ông Quàng Văn Ở; địa chỉ: Bản M, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

20. Ông Lường Văn N; địa chỉ: Bản C, xã P, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

21. Ông Quàng Văn P; địa chỉ: Bản B, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

22. Bà Lò Thị T6; địa chỉ: Bản C, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

23. Bà Tòng Thị S1; địa chỉ: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

24. Bà Lò Thị K; địa chỉ: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

25. Bà Lò Thị N1; địa chỉ: Bản C, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

26. Bà Lò Thị H5; địa chỉ: Bản M, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

27. Bà Lò Thị N2; địa chỉ: Bản T, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

28. Bà Tòng Thị N3; địa chỉ: Bản T, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

29. Bà Lò Thị H6; địa chỉ: Bản T, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

30. Bà Lường Thị I; địa chỉ: Bản T, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

31. Bà Lò Thị D; địa chỉ: B, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

32. Bà Quàng Thị D1; địa chỉ: Bản D, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

33. Bà Lò Thị P1; địa chỉ: Bản D, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

34. Bà Lò Thị T7; địa chỉ: Bản D, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

35. Bà Lò Thị S2; địa chỉ: Bản N, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt,

có đơn xin xét xử vắng mặt.

36. Ông Tòng Thị N4; địa chỉ: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

37. Bà Vì Thị T8; địa chỉ: Bản L, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

38. Quàng Thị H7; địa chỉ: Bản B, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện tại: Xóm Đ, Làng Tam Á, G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

39. Anh Lò Văn Q; địa chỉ: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Tòng Thị L3; địa chỉ: Bản T, xã D, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lò Thị S3; địa chỉ: Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Lò Thị L4; địa chỉ: Bản M, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện tại: Số E T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt

4. Lò Thị H8; địa chỉ: Bản M, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Chị Lò Thị X1; anh Quàng Văn P2; địa chỉ: Bản C, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quàng Thị Diệu Ly trú tại bản Phông, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La là nhân viên hỗ trợ kinh doanh Công ty TNHH MTV T9 (từ tháng 11/2021 đến 01/08/2022), do muốn có tiền chi tiêu cá nhân và kinh doanh tài chính trên mạng internet, L dùng thủ đoạn gian dối, lấy và sử dụng thông tin của người khác mà không có sự đồng ý của người đó để lập hợp đồng vay tiền của các Công ty cung cấp dịch vụ cho vay tiền, sau đó chiếm đoạt. Cụ thể:

1. Chiếm đoạt của Công ty TNHH MTV T9 số tiền 597.453.000 đồng.

Công ty T9 (H) có trụ sở đặt tại Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà P, Số B N, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp giấy phép hoạt động tín dụng dưới hình thức cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng.

Ngày 11/10/2021, Quàng Thị Diệu L được tuyển dụng làm nhân viên hỗ trợ kinh doanh công ty T9. Có nhiệm vụ: Tư vấn, lập hồ sơ cho vay đối với khách mua hàng tại các cửa hàng mà H hợp tác kinh doanh và các khách hàng có nhu cầu vay tiền mua hàng trả góp. L được cấp tài khoản với tên "h00050167" và mật

khẩu đăng nhập ứng dụng "HomeX-HCVN" trên điện thoại di động để thực hiện nhiệm vụ của nhân viên hỗ trợ khách hàng. Theo quy định của công ty, khi khách đến vay tiền, L đăng nhập vào tài khoản được cấp; đối chiếu với khách hàng trên thực tế và các thông tin do khách hàng cung cấp. Sau khi hệ thống phân tích khách hàng đủ điều kiện vay, L tiến hành chụp khuôn mặt, CCCD/CMND, nhập số thuê bao của khách hàng/người thân khách hàng, số tiền vay, thời hạn vay ... gửi lên hệ thống; Home Credit duyệt hợp đồng của khách tự động trên hệ thống. Hợp đồng được duyệt sẽ báo về số điện thoại khách hàng và gửi lại cho L biết. Nếu hợp đồng được duyệt L sẽ tiếp tục hướng dẫn khách hàng ký điện tử trên hợp đồng bằng cách xác nhận mã OTP do hệ thống gửi về số thuê bao của khách hàng. Trường hợp khách hàng có sử dụng điện thoại thông minh, L sẽ hướng dẫn khách hàng tại ứng dụng của Home C1 và thực hiện việc ký tên trên màn hình điện thoại cảm ứng. Sau khi ký hợp đồng, tiền vay được chuyển về tài khoản của khách hàng đăng ký hoặc chuyển về đại lý khách đăng ký rút tiền mặt. Sau giải ngân một thời gian, nhân viên của Home C1 sẽ gọi điện cho khách hàng về khoản vay, kỳ hạn trả và các nội dung khác liên quan.

Tháng 11/2021, thông qua mạng xã hội L thấy Hà Văn M2 trú tại Thôn B, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định giới thiệu mô hình đầu tư tài chính trên website www.model farming life có lợi nhuận cao. Lợi dụng kẽ hở trong quy trình giải ngân tiền vay của Home C1; sử dụng thông tin của người khác mà không được sự đồng ý của người đó, L lập khống hợp đồng để chiếm đoạt tiền vay. L mua sim truy cập internet, điện thoại di động, tiền để làm "phần thưởng"; L đến các xã trên địa bàn huyện S, giới thiệu mình là nhân viên của V1, tổ chức các chương trình khuyến mại quay số trúng thưởng, mời người dân tham gia. L yêu cầu người dân cung cấp CCCD/CMND để kiểm tra điều kiện vay trên hệ thống. Nếu họ đủ điều kiện vay, L thông báo họ trúng thưởng và yêu cầu chụp ảnh chân dung, C2 và mượn sim điện thoại để làm thủ tục đăng ký nhận thưởng. Nếu người dân đồng ý, L đưa cho họ một điện thoại di động, nếu không nhận điện thoại. L đưa cho họ tiền mặt giá trị tương đương để lấy thông tin lập hợp đồng. Một số trường hợp. L lấy lý do làm thẻ ngân hàng, làm thủ tục vay trả góp... để chụp ảnh chân dung, CCCD/CMND và mượn sim điện thoại của người dân. Sau khi có được thông tin này, L dùng số thuê bao của họ, đăng ký mở tài khoản thông qua các ứng dụng ngân hàng điện tử, lập hợp đồng vay tiền, đăng ký nhận tiền vay bằng số tài khoản vừa lập. Sau khi tiền vay được giải ngân, L chuyển đến số tài khoản 1391000786888 của L tại Ngân hàng A. Tiến hành đổi đăng ký số thuê bao nhận thông báo thanh toán thành số thuê bao 0333738812 (đăng ký mang tên L) để theo dõi các khoản nợ, tránh việc Công ty T9 và những người bị L sử dụng thông tin trái phép biết hành vi lập khống các hợp đồng vay tiền. Số tiền chiếm đoạt được, L sử dụng một phần để trả khoản nợ theo hợp đồng, đầu tư tài chính, chi tiêu cá nhân và sử dụng điện thoại, mua sim trả thưởng cho những người bị L sử dụng thông tin trái phép.

Bằng thủ đoạn nêu trên, từ ngày 22/11/2021 đến ngày 08/6/2022 Quảng Thị Diệu L đã sử dụng trái phép thông tin của 23 công dân, lập khống 23 hợp đồng để

vay của Công ty T9 tổng số tiền là 989.774.000đ. Trước khi công ty T9 gửi đơn tố giác (28/10/2022), L đã thanh toán bằng hình thức trả tiền lãi và gốc định kỳ cho Công ty T9 với tổng số tiền 392.321.000đ; số tiền L bồi thường, khắc phục hậu quả sau tố giác là 83.726.300đ, còn chưa thanh toán 513.726.700đ.

2. Chiếm đoạt của Công ty T9 SAISON số tiền 158.300.000đ.

Công ty T9 (HD SAISON) có trụ sở tại Tầng H, 9, 10, Tòa Nhà G, số B P, phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cung cấp sản phẩm cho vay tiêu dùng với nhiều hình thức, trong đó có vay qua ứng dụng “HD SAISON” trên nền tảng di động. Khách hàng vay tiền phải tải, cài đặt ứng dụng trên nền tảng di động; nhập, xác nhận các thông tin, ảnh chụp CMND/CCCD, GPLX, xác nhận chân dung khách hàng... theo hướng dẫn thông tin trên ứng dụng. Tùy nhu cầu vay mà HD SAISON yêu cầu khách hàng cung cấp xác nhận thông tin và ảnh chụp các giấy tờ theo quy định của Công ty. Sau khi Công ty T9 SAISON thẩm định, phê duyệt hợp đồng cho khoản vay, khách hàng ký hợp đồng điện tử bằng hình thức xác nhận qua mã OTP mà HD SAISON gửi đến số thuê bao đăng ký vay của khách hàng.

Tháng 06/2022, L cần tiền trả gốc lãi cho các hợp đồng vay của Home C1 và chi tiêu cá nhân nhưng không có tiền. Trang web www.modelfarminglife.com Ly đầu tư tài chính cũng không cho rút tiền. Ly tìm hiểu trên Facebook thấy Nguyễn Ngọc N5, trú tại tổ H, ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là nhân viên Công ty T9 (mã số 59367) quảng cáo, hỗ trợ làm thủ tục vay tiền nên đã hỏi và được hướng dẫn thủ tục, cách thức vay tiền. Khi nắm được quy trình vay, L sử dụng thông tin cá nhân, lập 01 hợp đồng vay qua ứng dụng HD SAISON số tiền 12.000.000 đồng, thời hạn 18 tháng để trả nợ và chi tiêu. Số tiền này được giải ngân vào tài khoản của L tại Ngân hàng A. L thấy quy trình vay của HD SAISON đơn giản, dễ dàng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Công ty bằng hình thức sử dụng trái phép thông tin của người khác, ký kết các hợp đồng khống (người đứng tên trên hợp đồng không phải người này) để chiếm đoạt, sử dụng tiền giải ngân. L tiếp tục sử dụng thủ đoạn giới thiệu là Nhân viên V1, làm chương trình khuyến mại tặng sim vào mạng miễn phí, tặng tháng trả góp để lấy thông tin của 14 người, ký kết hợp đồng khống, lập các tài khoản ngân hàng T10, đăng ký nhận tiền giải ngân. Để lên hợp đồng, che giấu hành vi phạm tội, L chuẩn bị trước 03 số thuê bao/ mỗi hợp đồng để khi Công ty liên hệ thì L sẽ là người trực tiếp trả lời việc thẩm định và xác nhận khoản vay.

Trong thời gian từ ngày 24/7/2022 đến ngày 04/10/2022, L sử dụng thông tin của 14 người, lập khống 14 hồ sơ vay tiền của Công ty T9. Toàn bộ tiền được giải ngân từ 13/14 hợp đồng trên, L thanh toán các khoản trả góp, mua sim thuê bao để làm chương trình khuyến mại và chi tiêu cá nhân. Để tránh Công ty T9 và những người bị sử dụng thông tin trái phép phát hiện, L thanh toán cho các hợp đồng từ 01 đến 03 kỳ.

Đối với hợp đồng sử dụng thông tin của bà Lò Thị K, L không rút được nên số tiền giải ngân từ hợp đồng này vẫn nằm trong tài khoản tên là K tại ngân hàng

T11. Cơ quan điều tra đã tiến hành phong tỏa số tiền 11.924.527đ tại tài khoản bà K.

Như vậy, tổng số tiền L được Công ty T9 giải ngân thông qua 14 hợp đồng 168.000.000 đồng, L đã trả HD SAISON 24.640.000 đồng (trả trước thời điểm tổ giác 9.700.000 đồng, trả sau thời điểm tổ giác 14.940.000 đồng) thông qua Công ty T9 SAISON thanh toán bảo hiểm khoản vay trên mỗi hợp đồng cho Công ty cổ phần B với tổng số tiền 1.260.000đ. Còn chưa thanh toán 143.360.000đ.

Cơ quan Điều tra đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết đối với tài liệu “Bản cam kết” đề ngày 07/3/2022 do Lò Văn T2 giao nộp (ký hiệu A1) và tài liệu “Bản tự khai/bản tường trình” Quảng Thị Diệu Ly đề ngày 29/11/2022 (ký hiệu M1” tại bản kết luận giám định số 100/KL-PC09 ngày 26/12/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh S, kết luận:

“1. Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 trừ chữ viết có nội dung “Nộp ngày: 30/11/2022 Lò Văn T2” so với chữ viết của Quảng Thị Diệu L trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Quảng Thị Diệu L trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 là chữ ký trực tiếp.

3. Chữ ký mang tên Quảng Thị Diệu L trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký của Quảng Thị Diệu L trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra”.

Đối với các Công ty bảo hiểm (đối tác của T9): Công ty Cổ phần B bán bảo hiểm cho 08/25 hợp đồng. Công ty B bán 05/25 hợp đồng; Tổng Công ty Cổ phần B1 (GIC) - Công ty B bán 12/25 hợp đồng. Căn cứ kết quả trả lời của các Công ty bảo hiểm và kết quả làm việc với đại diện Home Credit, xác định: số tiền bảo hiểm cho các khoản vay đều được H12 thanh toán vào thời điểm giải ngân các hợp đồng vay trích từ số tiền vay trên mỗi hợp đồng.

Đối với Công ty Cổ phần B (đối tác của Công ty T9) trong việc ký hợp đồng bảo hiểm với khách hàng vay. Tiền bảo hiểm được thanh toán cùng số tiền trả góp của khách theo định kỳ, tương ứng 60.000 đồng/01 kỳ/ 01 hợp đồng; trường hợp khách không trả được theo hợp đồng thì Công ty T9 không phải thanh toán cho Công ty B. Đối với 14 hợp đồng L đã sử dụng thông tin của người khác để vay của HD SAISON thì Công ty đã nhận 1.260.000 đồng tiền bảo hiểm. Công ty không đề nghị L phải tiếp tục thanh toán.

Đối với Hà Văn M2 - người L chuyển tiền qua tài khoản để nhờ mua tiền đầu tư tài chính: Hiện tại, M2 chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ cụ thể) nên không có cơ sở xác minh. Căn cứ vào lời khai của Quảng Thị Diệu L và tài liệu chứng cứ xác định: Toàn bộ số tiền L chuyển cho M2 để mua tiền ảo và đã chuyển vào tài khoản đầu tư tài chính của L trên trang www.Modelfarming.life. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm đối với Hà Văn M2.

Đối với Nguyễn Ngọc N5 - Nhân viên Công ty T9, là người giới thiệu và

hướng dẫn bị cáo L để làm hợp đồng vay tiền Công ty T9: xác định N5 không biết L sử dụng thông tin của người khác để lập khống hợp đồng vay tiền, việc thông tin mã nhân viên được thông báo trên mạng xã hội không vi phạm quy định của công ty. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét Nguyễn Ngọc N5 với vai trò đồng phạm với L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với Quàng Thị H7 (người có hành vi bàn bạc với bị cáo L để thực hiện lập khống hợp đồng vay tiền của Home C1): H7 lấy thông tin của người khác để lập hợp đồng vay đã có sự đồng ý của L (lúc đó là nhân viên của Công ty T9); Ngay tại thời điểm lập hợp đồng vay, H7 không có ý thức chiếm đoạt tài sản. H7 thực hiện việc thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty T9 trong những tháng đầu. H7 không thực hiện trả tiền trong những tháng tiếp theo do khó khăn về kinh tế nhưng H7 vẫn tác động người thân trong gia đình trả cho Công ty T9 thông qua Quàng Thị Diệu L. Sau khi làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công ty T9 đề nghị H7 tiếp tục trả 7.268.903 đồng sau H7 đã nộp số tiền 40.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra để trả cho Công ty T9. Do có Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S không xem xét xử lý đối với Quàng Thị H7.

Đối với các thuê bao điện thoại, điện thoại di động, tiền... mà Quàng Thị Diệu L đưa cho những người bị L sử dụng thông tin trái phép: ngoài những người đã giao nộp, những người còn lại đều đã bỏ sim thuê bao (do hết dung lượng truy cập Internet), điện thoại hỏng, số tiền nhận được đã chi tiêu hết không có điều kiện trả lại. Xác định việc những người đã nhận được đồ vật, tài sản của L là do L tự nguyện, những người này không biết về vi phạm của L nên không buộc những người này phải giao nộp lại số tiền tương ứng giá trị tài sản đã nhận từ L.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Bị cáo Quàng Thị Diệu L đã khắc phục 98.666.300 đồng (Công ty T9 83.726.300 đồng. Công ty T9 14.940.000 đồng): Còn phải tiếp tục bồi thường 657.086.700 đồng (Công ty T9 513.726.700 đồng; Công ty T9 143.360.000 đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 185/CT-VKS-P3 ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Quàng Thị Diệu L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Bị cáo Quàng Thị Diệu L thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và không khai báo gì thêm.

- Người bị hại:

+ **Công ty T9:** Về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật, về dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho Công ty là 513.726.700đ

+ **Công ty T9:** Về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật, về dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho Công ty là 190.446.318 đ (tiền gốc 157.293.546đ; tiền lãi là 33.152.772đ)

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Quàng Thị Diệu L và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Quàng Thị Diệu L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Quàng Thị Diệu L từ 13 đến 14 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt của công ty T9 và công ty T9 cụ thể như sau:

- Tổng số tiền khắc phục hậu quả là 98.666.300 đồng (trong đó Công ty T9 83.726.300 đồng; công ty T9 14.940.000 đồng).

- Số tiền buộc bị cáo bồi thường cho Công ty T9 là 513.726.700 đồng (Năm trăm mười ba triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) được khấu trừ đi số tiền 3.800.000đ (do ông Lò Văn Ơi nộp 1.800.000đ; Lò Thị H2 nộp 2.000.000đ) còn phải tiếp tục thanh toán số tiền là 509.926.700 đ (Năm trăm linh chín triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng).

- Số tiền buộc bị cáo bồi thường Công ty T9 143.360.000 đồng xác định như sau: Đối với hợp đồng sử dụng thông tin của bà Lò Thị K, L không rút được nên số tiền giải ngân từ hợp đồng này vẫn nằm trong tài khoản tên là K tại ngân hàng T11. Cơ quan điều tra đã tiến hành phong tỏa số tiền 11.924.527 đ tại tài khoản bà K do vậy cần khấu trừ số tiền này trong số tiền buộc Quàng Thị Diệu L bồi thường cho công ty T9 SAISON: 143.360.000 đ - 11.924.527đ bị cáo còn phải bồi thường số tiền là 131.435.473 đ (Một trăm ba mươi một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng).

Về vật chứng: Đối với số tiền 43.800.000đ thu giữ trong vụ án đề nghị trả lại cho công ty T9; đối với 11 điện thoại thu giữ trong vụ án đề nghị tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước; tiếp tục phong tỏa tài khoản của Lò Thị K.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Quàng Thị Diệu L: Nhất trí với đề nghị về tội danh và điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ do Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn, có 02 con nhỏ, trước và sau khi bị tố cáo bị cáo đã tích cực khắc phục 1 phần số tiền đã chiếm đoạt, trong quá trình học tập bị cáo được công nhận đạt giải các cuộc thi tại trường Đại học T12 và Trường THPT S5, ngoài ra gia đình bị cáo có ông, bà nội, ngoại được tặng thưởng H9, huy chương kháng chiến hạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt từ 08 đến 09 năm tù; Đề nghị miễn án phí hình sự và dân sự cho bị cáo.

Bị cáo Quàng Thị Diệu L nhất trí với lời bào chữa của luật sư, không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất

cho bị cáo có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quàng Thị Diệu L là nhân viên Công ty T9, trong thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 10/2022, Quàng Thị Diệu L nhận thấy việc vay tiền tại các công ty Home Credit và HD SAISON dễ dàng, giải ngân nhanh chóng. Để có tiền chi tiêu và kinh doanh tài chính trên mạng internet, L mua điện thoại, sim di động, chuẩn bị tiền mặt... làm “phần thưởng”, đưa ra các thông tin gian dối về bản thân, về các chương trình trúng thưởng để chụp chân dung, giấy tờ tùy thân, mượn số thuê bao di động... của người “trúng thưởng”. L tự ý sử dụng thông tin khai thác được, lập 37 hợp đồng vay của các công ty Home Credit và HD SAISON sau đó chiếm đoạt với tổng số tiền 755.753.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo Quàng Thị Diệu L được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn tố cáo đề ngày 07/10/2022 của Công ty TNHH Một thành viên T9 về việc Quàng Thị Diệu L đã tự ý sử dụng thông tin hình ảnh khách hàng lập 23 hợp đồng.

- Hình ảnh hợp đồng của Lò Thị T (4104664190); Vì Thị L1 (41050077224); Vì T (4200059587); Tòng Thị M (4200535087); Vàng A T1 (4200108044); Lò Văn H1 (4200240627); Lò Văn T2 (4200975369); Lò Văn T3 (4201054661); Lò Văn C (4201055847); Lò Thị H2 (4201093622); Quàng Văn M1 (4201109260); Lò Văn S (4201180019); Lò Văn H3 (4201182142); Lò Thị T4 (4201179146); Quàng Văn T5 (4201286303); Lò Thị H4 (4201286303); Quàng Thị L2 (4201375210); Lò Thị Đ3 (4201403680); Quàng Văn Ở (4202310666); Lường Văn N (4202382337); Quàng Văn P (4202586013); Lò Thị T6 (4202925933); Tòng Thị S1 (4203119699);

- Đơn tố cáo ngày 27/9/2023 của Công ty T9 đối với hành vi lập khống các hợp đồng để chiếm đoạt số tiền giải ngân cho khách hàng của Công ty.

- Xác nhận thông tin thanh toán của các hợp đồng tín dụng của Công ty T9 gồm: Lò Thị Khoa (DL024543708); Lò Thị N1 (DL024593039); Lò Thị H5 (DL024638159); Lường Thị N6 (DL024677307); Tòng Thị N3 (DL024700304);

Lò Thị H6 DL024752228; Lường Thị Inh (DL024765766); Lò Thị D (DL025112115); Quàng Thị D1 (DL025174462); Lò Thị P1 (DL025210246); Lò Thị T7 (DL025232621); Lò Thị S2 (DL025271643); Tòng L (DL025023355); Và Thị T8 (DL025318982).

- Biên bản bắt bị can để tạm giam hồi 09 giờ 05 phút ngày 05/02/2023 tại Bản Phồng xã N, huyện S, tỉnh Sơn La đối với Quàng Thị Diệu L.

- Biên bản kiểm tra thu thập dữ liệu trong điện thoại di động hồi 16 giờ 00 phút ngày 12/12/2022 đối với điện thoại di động loại hình cảm ứng nhãn hiệu Tecno - Spark của Quàng Thị Diệu L.

- Kết luận giám định số 100/KL-KTHS ngày 26/12/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh Sơn L, kết luận: “1. Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 trừ chữ viết có nội dung “Nộp ngày: 30/11/2022 Lò Văn T2” so với chữ viết của Quàng Thị Diệu L trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Quàng Thị Diệu L trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 là chữ ký trực tiếp.

3. Chữ ký mang tên Quàng Thị Diệu L trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký của Quàng Thị Diệu L trên mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký ra”.

- Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, các hồ sơ vay vốn, hồ sơ nhận nợ tại Công ty T9; Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa về việc bị cáo lập không các khoản vay của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và chiếm đoạt các khoản vay đó.

Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Quàng Thị Diệu L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Quàng Thị Diệu L dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 755.753.000đ, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ năm trăm triệu đồng trở lên” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 12 đến 20 năm hoặc tù chung thân.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Quàng Thị Diệu L là đặc biệt nghiêm trọng, lợi dụng kẽ hở trong thủ tục vay tiền của các Công ty tín dụng, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của Công ty T9 và Công ty T9, toàn bộ tài sản chiếm đoạt bị cáo đã dùng để chi tiêu cá nhân và nhờ mua tiền đầu tư tài chính, hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tác động xấu đến hoạt động kinh doanh, cho vay tiền của các công ty tín dụng, ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực

hiện chính sách tài chính, tiền tệ của Nhà nước và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần đã phạm vào tình tiết “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo cũng đã chủ động bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại số tiền 98.666.300đ (Chín mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm đồng). Trong quá trình học tập, bị cáo cũng được tặng thưởng giấy chứng nhận các cuộc thi của trường Đại học T12, trường THPT S5. Gia đình bị cáo có ông, bà nội, ngoại được tặng thưởng H9, huy chương kháng chiến hạng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo Quàng Thị Diệu L còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có tài sản và không còn thu nhập, không có khả năng để thi hành, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với những người có liên quan:

Đối với các Công ty bảo hiểm (đối tác của Home C1) và Công ty Cổ phần B (đối tác của công ty T9) đều không đề nghị bị cáo tiếp tục thanh toán đối với các hợp đồng bảo hiểm khoản vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Hà Văn M2 - người L chuyển tiền qua tài khoản để nhờ mua tiền đầu tư tài chính: Hiện tại, M2 chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ cụ thể) nên không có cơ sở xác minh. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm đối với Hà Văn M2 là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Ngọc N5 - Nhân viên Công ty T9, xác định N5 không biết L sử dụng thông tin của người khác để lập không hợp đồng vay tiền, việc thông tin mã nhân viên được thông báo trên mạng xã hội không vi phạm quy định của công ty. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét Nguyễn Ngọc N5 với vai trò đồng phạm với L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ.

Đối với Quàng Thị H7 xác định tại thời điểm lập hợp đồng vay cùng với Ly H10 không có ý thức chiếm đoạt tài sản. H10 thực hiện việc thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty T9 trong những tháng đầu. H10 không thực hiện trả tiền trong

những tháng tiếp theo do khó khăn về kinh tế nhưng H10 vẫn tác động người thân trong gia đình trả cho Công ty T9 thông qua Quàng Thị Diệu L. Sau khi làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công ty T9 đề nghị H10 tiếp tục trả 7.268.903 đồng sau H10 đã nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 40.000.000 đồng để trả cho Công ty. Do có Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S không xem xét xử lý đối với Quàng Thị H7 là có căn cứ.

Đối với các thuê bao điện thoại, điện thoại di động, tiền... mà Quàng Thị Diệu L đưa cho những người bị L sử dụng thông tin trái phép: ngoài những người đã giao nộp, những người còn lại đều đã bỏ sim thuê bao (do hết dung lượng truy cập Internet), điện thoại hỏng, số tiền nhận được đã chi tiêu hết không có điều kiện trả lại. Xác định việc những người đã nhận được đồ vật, tài sản của L là do L tự nguyện, những người này không biết về vi phạm của L nên không buộc những người này phải giao nộp lại số tiền tương ứng giá trị tài sản đã nhận từ L là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589, Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền bị cáo khắc phục hậu quả là 98.666.300 đồng (trong đó Công ty T9 83.726.300 đồng; công ty T9 14.940.000 đồng).

Tại phiên toà Công ty T9 yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 513.726.700đ là có căn cứ cần chấp nhận

Công ty T9 yêu cầu bị cáo bồi thường là 190.446.318đ (trong đó tiền gốc là 157.293.546đ và tiền lãi là 33.152.772đ) là không có căn cứ chỉ được chấp nhận một phần.

Bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt của công ty T9 và công ty H13 cụ thể như sau:

- Số tiền buộc bị cáo bồi thường cho Công ty T9 là 513.726.700 đồng (Năm trăm mười ba triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) được khấu trừ đi số tiền 3.800.000đ (do ông Lò Văn Ơi nộp 1.800.000đ; Lò Thị H2 nộp 2.000.000đ) bị cáo còn phải tiếp tục thanh toán số tiền là 509.926.700 đ (Năm trăm linh chín triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng).

- Số tiền buộc bị cáo bồi thường Công ty T9 143.360.000 đồng xác định như sau: Đối với hợp đồng sử dụng thông tin của bà Lò Thị K, L không rút được nên số tiền giải ngân từ hợp đồng này vẫn nằm trong tài khoản tên là K tại ngân hàng T11. Cơ quan điều tra đã tiến hành phong tỏa số tiền 11.924.527 đ tại tài khoản bà K do vậy cần khấu trừ số tiền này trong số tiền buộc Quàng Thị Diệu L bồi thường cho công ty T9 SAISON: 143.360.000 đ - 11.924.527đ bị cáo còn phải bồi thường số tiền là 131.435.473đ (Một trăm ba mươi một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng).

[9] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 11 chiếc điện thoại thu giữ trong vụ án gồm: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu Tecno Spark vỏ màu xanh, màn hình có vết nứt vỡ; 01 chiếc điện thoại di động loại bàn phím cơ, vỏ màu xanh, nhãn hiệu KINGGEAT; 01 chiếc điện thoại di động loại bàn phím cơ, vỏ màu vàng, nhãn hiệu BAVATEL; 06 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, nhãn hiệu TECNO; 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, nhãn hiệu TECNO SPARK; 01 chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, vỏ màu hồng, nhãn hiệu OPPO (loại A83). Xét đều là phương tiện Quàng Thị Diệu L sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội của mình do vậy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 43.800.000đ do Công an tỉnh S mở tại tài khoản tạm giữ của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh S theo uỷ nhiệm chi số 428 ngày 28/11/2023 trong đó gồm: Số tiền 3.800.000đ (do ông Lò Văn Ổi nộp 1.800.000đ; bà Lò Thị H2 nộp 2.000.000đ) trả lại cho công ty T9. Số tiền số tiền 40.000.000đ của Quàng Thị H7 giao nộp trả lại cho Công ty T9 để tất toán khoản vay của bà Lò Thị H2.

[10] Xử lý đối với tài khoản bị phong tỏa:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra lệnh phong tỏa tài sản đối với 01 tài khoản của bà Lò Thị K tại Ngân hàng cổ phần T11. Xét thấy việc phong tỏa đối với tài khoản nêu trên không còn cần thiết nên cần hủy bỏ biện pháp phong tỏa đối với các tài khoản này theo quy định tại Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với số tiền còn lại trong tài khoản cần trả lại cho Công ty T9.

[11] Về án phí: Bị cáo Quàng Thị Diệu L là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Quàng Thị Diệu L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Quàng Thị Diệu L 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Quàng Thị Diệu L bồi thường cho công ty T9 số tiền: 509.926.700 đ (Năm trăm linh chín triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm đồng);

- Buộc bị cáo Quàng Thị Diệu L bồi thường cho Công ty T9 số tiền 131.435.473đ (Một trăm ba mươi một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

*** Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:**

1. 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu Tecno Spark vỏ màu xanh, màn hình cảm ứng có vết nứt vỡ, đã qua sử dụng cũ, lắp kèm 02 sim (do Quàng Thị Diệu L giao nộp) được niêm phong trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

2. 01 (Một) chiếc điện thoại di động loại bàn phím cơ, vỏ màu xanh, nhãn hiệu KINGEAT, đã qua sử dụng cũ (do Lò Văn S4 giao nộp) được niêm phong trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

3. 01 (Một) chiếc điện thoại di động loại bàn phím cơ, vỏ màu vàng, nhãn hiệu BAVATEL, đã qua sử dụng cũ (do Lò Văn S4 giao nộp) được niêm phong trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

4. 01 (Một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, nhãn hiệu TECNO, đã qua sử dụng cũ (do Lò Văn T3 giao nộp) được niêm phong trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

5. 01 (Một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, nhãn hiệu TECNO, đã sử dụng cũ (do Lò Văn T2 giao nộp). được niêm phong trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

6. 01 (Một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, nhãn hiệu TECNO, đã sử dụng cũ (do Lò Văn S giao nộp) được niêm phong trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

7. 01 (Một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, nhãn hiệu TECNO, đã sử dụng cũ (do Lò Văn C giao nộp) được niêm phong trong

01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

8. 01 (Một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh nhãn hiệu TECNO, đã sử dụng cũ (do Lò Văn Q giao nộp) được niêm phong trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

9. 01 (Một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng bị nứt vỡ, và màu xanh, nhãn hiệu TECNO - SPARK, đã sử dụng cũ (do Lò Thị T4 giao nộp) được niêm phong trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

10. 01 (Một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, và màu hồng, nhãn hiệu OPPO (loại A83), đã sử dụng cũ (do Lò Văn H1 giao nộp) được niêm phong trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

11. 01 (Một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, nhãn hiệu TECNO, đã sử dụng cũ (do Quàng Văn M1 giao nộp) được niêm phong trong 01 chiếc phong bì còn nguyên niêm phong.

*** Trả lại cho Công ty T9:** “Tiền Ngân hàng N7: 43.800.000đ (bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng) số tiền này đã nộp vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La tại Kho bạc Nhà nước tỉnh S theo Ủy nhiệm chi số 428 ngày 28/11/2023”.

4. Xử lý đối với tài khoản bị phong tỏa: Căn cứ Điều 130 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy bỏ phong tỏa tài khoản theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 09/LPT-CSHS ngày 01/8/2023 đối với tài khoản số 5032688840 của bà Lò Thị K. Trả cho Công ty T9 số tiền còn lại trong tài khoản của bà Lò Thị K; Nơi thường trú: Bản Phông, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La là 11.924.527đ.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Quàng Thị Diệu L.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo Quàng Thị Diệu L, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/01/2024). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tòng Thị Hiền